

Vai trò của đối ngoại nhân dân trong nâng cao vị thế quốc gia: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách đối với Việt Nam

PGS, TS Hoàng Văn Nghĩ

Ủy ban Công tác đại biểu Quốc hội khóa XVI

11:17, ngày 27-06-2026

TCCS - Trong bối cảnh thế giới biến động sâu sắc, đối ngoại nhân dân ngày càng khẳng định vai trò là một trong những trụ cột của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại. Kinh nghiệm của Thụy Điển, Anh, Trung Quốc và Hàn Quốc cho thấy, đối ngoại nhân dân là công cụ quan trọng để xây dựng lòng tin, lan tỏa giá trị quốc gia, gia tăng “sức mạnh mềm” và nâng cao vị thế, ảnh hưởng quốc tế. Đối với Việt Nam, phát huy hiệu quả đối ngoại nhân dân theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng và tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, nâng cao vị thế đất nước và đóng góp vào hòa bình, hợp tác, phát triển.

Đối ngoại nhân dân: Từ giá trị “sức mạnh mềm” đến trụ cột của nền ngoại giao tự chủ, chiến lược

Trong giai đoạn hiện nay, đối ngoại nhân dân từ vị thế của hoạt động hỗ trợ, kênh giao lưu hữu nghị và vận động sự ủng hộ quốc tế đã từng bước trở thành một nguồn lực chiến lược của quốc gia. Quá trình chuyển biến đó được thể hiện rõ trong cấu trúc quyền lực quốc gia hiện đại, trong sự phát triển tư duy chiến lược của Đảng, đồng thời trong nền ngoại giao tự chủ chiến lược.

Một là, đối ngoại nhân dân trong cấu trúc quyền lực quốc gia hiện đại.

Trong giai đoạn hiện nay, toàn cầu hóa và sự thâm nhập sâu rộng của các công nghệ cốt lõi, các chủ thể phi nhà nước ngày càng có vai trò quan trọng và đối ngoại nhân dân đã trở thành một trong những công cụ hiệu quả để chuyển hóa các nguồn lực văn hóa, xã hội và tri thức thành sức mạnh quốc gia. Thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, hợp tác giáo dục, kết nối học thuật, hỗ trợ phát triển và tương tác xã hội, đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng lòng tin, tạo dựng thiện cảm và hình thành nền tảng xã hội bền vững cho quan hệ quốc tế. Chính vì vậy, đối ngoại nhân dân ngày càng được xem là một công cụ chiến lược giúp các quốc gia mở rộng ảnh hưởng và nâng cao vị thế quốc tế.

Giáo sư Đại học Harvard Joseph S. Nye cho rằng “sức mạnh mềm” là khả năng đạt được điều mình mong muốn thông qua sức hấp dẫn thay vì ép buộc hoặc mua chuộc; nguồn lực tạo nên “sức mạnh mềm” bao gồm văn hóa, các giá trị chính trị và chính sách đối ngoại của quốc gia⁽¹⁾. Tuy nhiên, các nguồn lực đó chỉ thực sự chuyển hóa thành ảnh hưởng khi được xã hội quốc tế tiếp nhận, tin tưởng và đồng thuận. Điều đó khẳng định vai trò đặc biệt của đối ngoại nhân dân như một cơ chế kết nối giữa các giá trị quốc gia với công chúng quốc tế.

Từ góc độ học thuật, lý thuyết ngoại giao công chúng làm rõ hơn bản chất của đối ngoại nhân dân. Jan Melissen cho rằng, ngoại giao công chúng hiện đại đã chuyển từ mô hình truyền thông một chiều sang đối thoại và xây dựng quan hệ lâu dài giữa các chủ thể xã hội xuyên biên giới⁽²⁾. Nicholas J. Cull tiếp tục nhấn mạnh trong kỷ nguyên số, khả năng “lắng nghe” và “giao lưu tương tác” có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng niềm tin và uy tín quốc gia⁽³⁾. Điều đó cho

thấy, đối ngoại nhân dân không chỉ là hoạt động tuyên truyền, mà còn là quá trình tạo dựng sự đồng thuận xã hội quốc tế một cách bền vững.

Ở Việt Nam, nhiều chuyên gia khẳng định đối ngoại nhân dân ngày nay được xem như một dạng “sức mạnh mềm”, góp phần nâng cao vị thế quốc gia và tạo dựng ảnh hưởng quốc tế. Nhận định này phản ánh đúng xu thế phát triển của ngoại giao hiện đại, khi ảnh hưởng quốc tế ngày càng được kiến tạo thông qua các mạng lưới văn hóa, học thuật, xã hội và cộng đồng thay vì chỉ thông qua các kênh ngoại giao truyền thống.

Hai là, đối ngoại nhân dân trong sự phát triển tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho sự hình thành, phát triển của đối ngoại nhân dân Việt Nam. Trong tư duy của Người, đối ngoại không chỉ là quan hệ giữa các quốc gia, mà còn là sự kết nối giữa các dân tộc trên cơ sở hòa bình, hữu nghị và chính nghĩa. Ngay từ sớm, Người đã nhận thức sâu sắc rằng, sức mạnh cách mạng không chỉ bắt nguồn từ nội lực dân tộc, mà còn từ sự đồng tình, ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Vì vậy, tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trở thành hạt nhân xuyên suốt trong tư duy đối ngoại Hồ Chí Minh và là nền tảng lý luận của đối ngoại nhân dân Việt Nam. Trong Báo cáo trước Hội nghị Đại biểu nhân dân Thủ đô về thành công của kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa I, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chúng ta cần phải tăng cường hơn nữa tình đoàn kết với các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, củng cố hơn nữa tình hữu nghị với các nước yêu chuộng hòa bình, nhất là các nước láng giềng và các nước Á - Phi. Chúng ta cần tranh thủ hơn nữa sự đồng tình quốc tế...”⁽⁴⁾. Đồng thời, Người khẳng định: “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”⁽⁵⁾ và “Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù”⁽⁶⁾. Chính tư tưởng đó đã góp phần hình thành mặt trận nhân dân thế giới rộng lớn ủng hộ Việt Nam trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc.

Đồng thời, Người chỉ ra mối quan hệ giữa nội lực quốc gia và hiệu quả hoạt động đối ngoại. Người khẳng định: “Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to, tiếng mới lớn”⁽⁷⁾. Luận điểm này trở thành phương châm của ngoại giao Việt Nam, đồng thời là cơ sở để Đảng xác định nguyên tắc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức của Đảng về đối ngoại nhân dân không ngừng được bổ sung và phát triển. Trong thời kỳ đổi mới, nhận thức của Đảng về đối ngoại nhân dân tiếp tục được hoàn thiện. Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 20-9-1994, của Ban Bí thư, “Về mở rộng và đổi mới hoạt động đối ngoại nhân dân” đánh dấu bước đổi mới toàn diện công tác đối ngoại nhân dân với đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Các kỳ Đại hội VIII, IX, X, XI và XII của Đảng tiếp tục mở rộng quan hệ hữu nghị với nhân dân các nước, các tổ chức quốc tế và đẩy mạnh quảng bá hình ảnh Việt Nam.

Bước phát triển nổi bật về lý luận được xác lập tại Đại hội XIII khi Đảng khẳng định chủ trương: “Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân”⁽⁸⁾. Theo đó, từ

vị trí hỗ trợ, đối ngoại nhân dân được nâng lên thành một trong ba trụ cột của nền ngoại giao quốc gia. Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 1-5-2022, của Ban Bí thư, “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới” tiếp tục yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đối ngoại nhân dân theo hướng chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả.

Như vậy, từ một phương thức vận động đoàn kết quốc tế phục vụ đấu tranh giải phóng dân tộc, đối ngoại nhân dân đã phát triển thành một trụ cột của nền ngoại giao Việt Nam, góp phần tạo dựng môi trường hòa bình, mở rộng không gian phát triển và nâng cao vị thế đất nước trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Ba là, đối ngoại nhân dân trong nền ngoại giao tự chủ chiến lược của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định vị trí của đối ngoại nhân dân trong nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, đồng thời xác định đối ngoại không chỉ bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, mà còn là động lực chiến lược của phát triển, góp phần huy động các nguồn lực quốc tế phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh quốc gia.

Tinh thần đó được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24-1-2025, của Bộ Chính trị, “Về hội nhập quốc tế trong tình hình mới” với yêu cầu chuyển từ tư duy “tham gia” sang chủ động “đóng góp”, “kiến tạo” và tham gia định hình các cơ chế hợp tác khu vực, quốc tế. Trong chính thể đó, đối ngoại nhân dân không chỉ thực hiện chức năng hữu nghị truyền thống, mà còn tham gia xây dựng đồng thuận quốc tế, mở rộng các mạng lưới hợp tác và góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

Kế thừa tư tưởng “dĩ bất biến ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta tiếp tục phát triển tư duy đối ngoại trên nền tảng bản sắc nền ngoại giao Việt Nam thời đại mới, thể hiện rõ hào khí, trí tuệ và cốt cách của một dân tộc độc lập, tự chủ. Tiếp nối tư duy đó, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh: “Truyền thống, thành tựu và lịch sử 80 năm vẻ vang đã để lại cho ngoại giao Việt Nam những bài học lớn, còn nguyên giá trị đến hôm nay và cả mai sau”(9), trong đó nổi bật là bài học về kiên định lợi ích quốc gia, dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và gắn ngoại giao với lòng dân.

Trong bối cảnh mới, đối ngoại nhân dân được xác định là “ngoại giao lòng dân”, có khả năng kết nối trực tiếp giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân thế giới. Mỗi người dân, doanh nghiệp, trí thức và người Việt Nam ở nước ngoài đều có thể trở thành chủ thể đối ngoại, góp phần lan tỏa hình ảnh, văn hóa và giá trị Việt Nam ra thế giới. Như Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Xây dựng nên nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp, mang đậm bản sắc Việt Nam. Toàn diện trên cả ba trụ cột: Đối ngoại đảng - ngoại giao nhà nước - đối ngoại nhân dân... Phát huy bản sắc ngoại giao Việt Nam: Kiên định về nguyên tắc, uyển chuyển về sách lược, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc”(10).

Có thể khẳng định, từ tư tưởng ngoại giao hòa bình Hồ Chí Minh đến nền ngoại giao tự chủ chiến lược hiện nay, đối ngoại nhân dân đã phát triển từ phương thức vận động đoàn kết quốc tế thành một bộ phận quan trọng của “sức mạnh mềm” quốc gia, góp phần trực tiếp nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Kinh nghiệm quốc tế về phát huy vai trò đối ngoại nhân dân trong nâng cao vị thế quốc gia

Thực tiễn chính trị quốc tế cho thấy, việc phát huy các nguồn lực xã hội thông qua đối ngoại nhân dân nhằm nâng cao vị thế và định hình luật chơi toàn cầu được nhiều quốc gia triển khai thành công với nhiều cách tiếp cận khác nhau, mang lại những giá trị tham chiếu cho Việt Nam.

Thụy Điển là quốc gia tiêu biểu về việc khẳng định vị thế quốc tế thông qua lan tỏa các giá trị xã hội tiên bộ. Quốc gia này xây dựng “sức mạnh mềm” trên nền tảng các giá trị dân chủ, minh bạch, bình đẳng giới, phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội. Theo Simon Anholt, Thụy Điển thường xuyên nằm trong nhóm nước dẫn đầu về Chỉ số Quốc gia Tốt (Good Country Index) nhờ sự nhất quán giữa hình ảnh đối ngoại và những giá trị được hiện thực hóa trong đời sống xã hội. Thông qua Viện Thụy Điển (Swedish Institute) và Cơ quan Hợp tác Phát triển quốc tế Thụy Điển (Sida),... nước này triển khai rộng rãi các chương trình học bổng, hỗ trợ bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn cầu, qua đó gia tăng sức hấp dẫn và ảnh hưởng quốc tế. Kinh nghiệm của Thụy Điển cho thấy, việc phát huy hiệu quả các giá trị xã hội tiên bộ với việc lan tỏa thông qua các hoạt động đối ngoại, nhất là đối ngoại nhân dân, không chỉ góp phần nâng cao uy tín quốc gia, mà còn có thể chuyển hóa thành nguồn lực chiến lược quan trọng trong gia tăng “sức mạnh mềm” và vị thế quốc tế.

Vương quốc Anh được biết đến về kinh nghiệm phát huy “sức mạnh mềm” thông qua giáo dục, học thuật và các thiết chế văn hóa. Nước này duy trì vị thế là một trong những cường quốc sức mạnh mềm hàng đầu thế giới nhờ hệ sinh thái gồm Hội đồng Anh (British Council), BBC World Service, các trường đại học danh tiếng và mạng lưới các viện nghiên cứu chính sách có tầm ảnh hưởng quốc tế⁽¹¹⁾. Hiện diện tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, Hội đồng Anh không chỉ thúc đẩy quảng bá ngôn ngữ, mà còn góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa, tăng cường kết nối giáo dục và giao lưu nhân dân trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh đó, thông qua các chương trình học bổng uy tín như Chevening, Chính phủ Anh chủ động xây dựng và duy trì mạng lưới các nhà lãnh đạo, chuyên gia và trí thức quốc tế có mối liên hệ chặt chẽ với quốc gia này. Có thể thấy, giáo dục, tri thức và các thiết chế văn hóa không chỉ là công cụ thúc đẩy giao lưu quốc tế, mà còn là nguồn lực “sức mạnh mềm” có khả năng tạo dựng ảnh hưởng sâu rộng và bền vững trong dài hạn.

Trung Quốc coi đối ngoại nhân dân là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển hòa bình và mở rộng liên kết quốc tế. Với cách tiếp cận mang tính tập trung và định hướng chiến lược, Trung Quốc triển khai nhiều công cụ và kênh kết nối đa dạng như hệ thống Viện Khổng Tử, các chương trình học bổng quốc tế, diễn đàn thanh niên, giao lưu nhân dân và các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Sáng kiến “Vành đai, Con đường” (BRI). Điểm đáng chú ý trong mô hình này là sự kết hợp giữa quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống với việc giới thiệu những thành tựu nổi bật về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế. Thông qua đó, Trung Quốc hướng tới xây dựng hình ảnh một quốc gia năng động, có trách nhiệm, sẵn sàng chia sẻ cơ hội phát triển và thúc đẩy hợp tác cùng có lợi. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, đối ngoại nhân dân có thể được triển khai

như một công cụ hỗ trợ hiệu quả cho các mục tiêu đối ngoại, tăng cường kết nối quốc tế và nâng cao ảnh hưởng của quốc gia trên trường quốc tế.

Hàn Quốc là một trong những điển hình thành công về phát huy công nghiệp văn hóa và nền tảng số để gia tăng sức mạnh mềm quốc gia. Thông qua làn sóng Hallyu với K-Pop, điện ảnh, truyền hình, ẩm thực và mỹ phẩm, Hàn Quốc đã chuyển hóa các sản phẩm văn hóa đại chúng thành công cụ đối ngoại nhân dân có sức lan tỏa toàn cầu. Theo Youna Kim, thành công này được tạo nên từ sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng sáng tạo trong việc phát triển, quảng bá và quốc tế hóa các sản phẩm văn hóa. Hàng trăm triệu người hâm mộ trên thế giới không chỉ tiếp cận các sản phẩm giải trí, mà còn chủ động tìm hiểu ngôn ngữ, lịch sử và văn hóa Hàn Quốc, qua đó hình thành sự gắn kết và thiện cảm đối với đất nước này⁽¹²⁾. Kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy, trong kỷ nguyên số, văn hóa, cảm xúc và các mạng lưới kết nối xã hội có thể trở thành nguồn lực sức mạnh mềm đặc biệt hiệu quả, tạo dựng ảnh hưởng quốc tế sâu rộng vượt ra ngoài các kênh ngoại giao truyền thống.

Từ cách tiếp cận và nguồn lực triển khai đa dạng trên có thể thấy, đặc điểm chung của các quốc gia thành công là khả năng chuyển hóa hiệu quả các giá trị xã hội, văn hóa, giáo dục và tri thức thành “sức mạnh mềm” quốc gia. Đây không chỉ là công cụ nâng cao hình ảnh và uy tín đất nước, mà còn góp phần mở rộng ảnh hưởng, tạo dựng lòng tin và gia tăng vị thế quốc gia trong đời sống quốc tế đương đại, cụ thể là:

Thứ nhất, đối ngoại nhân dân cần đặt trong tổng thể thống nhất của chiến lược nội lực quốc gia. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, “sức mạnh mềm” không được tạo ra từ hoạt động tuyên truyền hay quảng bá hình ảnh đơn thuần, mà bắt nguồn từ tính chính danh, đạo đức và khả năng phát huy nội lực quốc gia. Uy tín quốc tế của Thụy Điển hay Anh được xây dựng trên nền tảng quản trị minh bạch, hệ thống giáo dục đỉnh cao và chỉ số phát triển con người vượt trội. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân, trước tiên cần tiếp tục củng cố nội lực đất nước, phát huy những thành tựu về ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bản sắc văn hóa và khát vọng phát triển dân tộc. Chính những giá trị đó là cơ sở bền vững để gia tăng sức hấp dẫn, uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Thứ hai, dịch chuyển tư duy từ quảng bá hình ảnh sang kiến tạo mạng lưới kết nối lợi ích bền vững. Mục tiêu của đối ngoại nhân dân hiện đại không chỉ là nâng cao mức độ nhận diện quốc gia, mà quan trọng hơn là xây dựng các mạng lưới đối tác quốc tế có sự gắn kết bền vững về lợi ích, giá trị và tình cảm với Việt Nam. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các chương trình học bổng, trao đổi học thuật, diễn đàn khoa học, mạng lưới cựu sinh viên và hợp tác địa phương không chỉ thúc đẩy giao lưu nhân dân, mà còn góp phần hình thành nguồn vốn xã hội quốc tế có ý nghĩa chiến lược. Đây là nền tảng quan trọng để mở rộng ảnh hưởng, củng cố sự ủng hộ quốc tế và tạo dựng môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước trong dài hạn, phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, mở rộng không gian phát triển và nâng cao vị thế quốc gia trong bối cảnh quốc tế mới theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng.

Thứ ba, xây dựng bản sắc đối ngoại nhân dân trên cơ sở phát huy các lợi thế đặc thù quốc gia. Trên thực tế, không có một mô thức chung về sự thành công

trong công tác đối ngoại nhân dân cho mọi quốc gia, bởi hiệu quả của hoạt động này phụ thuộc vào khả năng khai thác và chuyển hóa các nguồn lực đặc thù thành sức mạnh ảnh hưởng. Chính vì vậy, cần định vị rõ lợi thế đặc thù riêng biệt của quốc gia, qua đó nâng cao sức hấp dẫn, uy tín và ảnh hưởng của quốc gia trong đời sống quốc tế.

Thứ tư, xây dựng hệ sinh thái đối ngoại nhân dân đa chủ thể, hiện đại và thích ứng với môi trường số. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ hiện nay, đối ngoại nhân dân cần được triển khai trên cơ sở huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội. Cùng với đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông đối ngoại, mở rộng khả năng kết nối và lan tỏa hình ảnh, giá trị và thông điệp tới cộng đồng quốc tế.

Nâng tầm tư duy chiến lược về đối ngoại nhân dân trong kỷ nguyên phát triển mới

Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác đối ngoại nhân dân của Việt Nam trong những năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn, đóng góp quan trọng vào thành công chung của nền ngoại giao nước nhà. Mạng lưới các tổ chức hữu nghị của nhân dân Việt Nam với các nước không ngừng được củng cố và mở rộng cả ở cấp Trung ương và địa phương, thiết lập mối quan hệ đối tác, hợp tác chặt chẽ với hàng nghìn tổ chức nhân dân, tổ chức phi chính phủ, các viện nghiên cứu, học giả trên thế giới. Tuy nhiên, bước vào giai đoạn phát triển mới, công tác đối ngoại nhân dân đang đối mặt với những thách thức không nhỏ: 1- *Về nhận thức*. Ở một số cấp ủy, địa phương và cơ quan, nhận thức về vị trí, vai trò của đối ngoại nhân dân vẫn chưa thực sự ngang tầm với vai trò trụ cột mà Đại hội XIII và Đại hội XIV của Đảng đề ra; chưa đánh giá đầy đủ về tính chiến lược và sức mạnh chiều sâu của đối ngoại nhân dân; 2- *Về phương thức triển khai*. Nội dung và hình thức hoạt động đối ngoại nhân dân ở một số lĩnh vực còn chậm đổi mới, mang tính lối mòn, chưa bắt kịp xu thế phát triển vũ bão của công nghệ truyền thông hiện đại và sự thay đổi trong thị hiếu, tư duy của công chúng quốc tế, đặc biệt là thế hệ trẻ. Ngoại giao số, ngoại giao văn hóa sáng tạo chưa được khai thác tối đa; 3- *Về huy động lực lượng*. Sự phối hợp, gắn kết giữa ba trụ cột đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân đôi lúc còn thiếu tính đồng bộ, nhịp nhàng. Nguồn lực xã hội, nhất là tiềm năng trí tuệ và tài chính của cộng đồng doanh nghiệp tư nhân, giới trí thức tinh hoa và mạng lưới 6,5 triệu người Việt Nam ở nước ngoài (13) chưa được khơi thông và tích hợp hiệu quả vào mặt trận đối ngoại nhân dân quốc gia.

Từ những gợi mở kinh nghiệm quốc tế, để hiện thực hóa mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045, đối ngoại nhân dân cần được đổi mới mạnh mẽ cả về tư duy, thể chế và phương thức triển khai với các nhóm giải pháp sau:

Một là, đổi mới căn bản nhận thức lý luận và tư duy chiến lược về đối ngoại nhân dân.

Quán triệt sâu sắc và toàn diện tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết số 59-NQ/TW trong toàn bộ hệ thống chính trị, từ Trung ương đến cơ sở. Trên cơ sở đó, cần nhận thức rõ đối ngoại nhân dân không phải là hoạt động

mang tính phụ trợ mà là một mũi tiến công chiến lược sắc bén, một nguồn lực nội sinh cấu thành "sức mạnh mềm" quốc gia, có nhiệm vụ đi trước mở đường, bắc cầu xây dựng lòng dân và tạo dựng nền tảng xã hội bền vững cho quan hệ đối ngoại. Đặc biệt, cần thấm nhuần sâu sắc các luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư duy chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phải tranh thủ nguồn lực, điều kiện thuận lợi bên ngoài cho mục tiêu bảo vệ Tổ quốc và phát triển đất nước từ sớm, từ xa; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm tốt nhất lợi ích của nhân dân⁽¹⁴⁾.

Hai là, xây dựng mô hình đối ngoại nhân dân bản sắc Việt Nam đa chủ thể và đồng bộ.

Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành tối ưu dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng để tạo ra sự gắn kết hữu cơ, nhịp nhàng giữa ba trụ cột đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Xây dựng chiến lược dài hạn, trong đó mỗi trụ cột đối ngoại, ngoại giao cần đảm nhận sứ mệnh riêng, song đồng thời cùng hướng tới một mục tiêu chiến lược quốc gia thống nhất.

Xây dựng hệ sinh thái đối ngoại nhân dân toàn dân với sự tham gia của nhiều chủ thể và cơ chế phối hợp đồng bộ. Trong đó, các cơ quan chuyên trách về đối ngoại nhân dân giữ vai trò nòng cốt trong định hướng chiến lược, điều phối hoạt động và kết nối nguồn lực. Mạng lưới viện nghiên cứu, trường đại học cần phát huy vai trò của ngoại giao học thuật và các kênh đối thoại không chính thức, tăng cường trao đổi tri thức, kết nối với các trung tâm nghiên cứu hàng đầu thế giới, qua đó nâng cao sức lan tỏa của các quan điểm, lập trường và giá trị của Việt Nam. Cộng đồng doanh nghiệp cần trở thành lực lượng quan trọng trong quảng bá hình ảnh quốc gia thông qua hoạt động đầu tư, kinh doanh có trách nhiệm, tuân thủ các chuẩn mực về môi trường, xã hội và quản trị. Đồng thời, cần phát huy hiệu quả nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài thông qua việc xây dựng mạng lưới kết nối chuyên gia, trí thức, doanh nhân và du học sinh, tạo điều kiện để bà con kiều bào tham gia quảng bá văn hóa, chuyển giao tri thức, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

Ba là, phát huy vai trò chủ động, kiến tạo trong hoàn thiện các định chế khu vực và quốc tế.

Thực hiện tư duy chỉ đạo của Nghị quyết số 59-NQ/TW, đối ngoại nhân dân cần tự tin bước lên tâm thế của người kiến tạo luật chơi. Chủ động đề xuất các sáng kiến, giải pháp nhân dân tại các diễn đàn đa phương quan trọng (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Liên hợp quốc, các diễn đàn liên nghị viện, diễn đàn xã hội toàn cầu) đối với các vấn đề mang tính thời đại mà thế giới và khu vực đang quan tâm như an ninh nguồn nước sông Mekong, chuyển đổi năng lượng công bằng, kinh tế tuần hoàn, đạo đức trí tuệ nhân tạo (AI), ứng phó với thiên tai, dịch bệnh.

Thông qua kênh đối ngoại nhân dân để vận động, tập hợp sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ, các học giả, chính trị gia quốc tế đối với quan điểm chính nghĩa của Việt Nam trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là chủ quyền biển, đảo trên cơ sở luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc và Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982. Kiến tạo các hành lang pháp lý và dư luận quốc tế thuận lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc “từ

sớm, từ xa”, không dễ bị động, bất ngờ.

Bốn là, đổi mới phương thức triển khai, đẩy mạnh ngoại giao số và công nghiệp văn hóa.

Ứng dụng triệt để ngoại giao số, theo đó xây dựng các nền tảng truyền thông số đa ngôn ngữ hiện đại, ứng dụng công nghệ AI, big data, thực tế ảo (VR/AR) để sản xuất các nội dung truyền thông đối ngoại có sức lan tỏa cao trên các mạng lưới không gian mạng toàn cầu. Chuyển đổi phương thức tương tác đối ngoại nhân dân từ trực tiếp truyền thống sang kết hợp nhuần nhuyễn với trực tuyến, tiếp cận sâu rộng đến các tầng lớp công chúng trẻ tuổi, giới tinh hoa số của nước ngoài.

Từ kinh nghiệm về mô hình của Hàn Quốc, Việt Nam cần đầu tư trọng điểm, bài bản để xây dựng ngành công nghiệp văn hóa mang bản sắc riêng, có năng lực cạnh tranh quốc tế. Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm văn hóa chất lượng cao như âm nhạc, điện ảnh, hội họa, thời trang, ẩm thực (Văn hóa ẩm thực Việt Nam), quảng bá du lịch di sản độc đáo (như văn hóa Sa Huỳnh, đảo Lý Sơn, vịnh Hạ Long, di sản Huế...). Biến sức hấp dẫn của các sản phẩm văn hóa sáng tạo này thành nguồn lực quyền lực mềm nhằm chinh phục công chúng thế giới một cách tự nhiên và sâu sắc nhất.

Năm là, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối ngoại nhân dân chuyên nghiệp, tinh hoa.

Xây dựng chiến lược quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực làm công tác đối ngoại toàn diện, đặc biệt là lực lượng đối ngoại nhân dân. Cán bộ làm đối ngoại nhân dân trong kỷ nguyên mới phải là những trí thức tinh hoa có bản lĩnh chính trị vững vàng; thâm nhuần sâu sắc tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh; có trình độ chuyên môn, tầm nhìn quan hệ quốc tế sắc bén; tinh thông ngoại ngữ; và có kỹ năng sử dụng công nghệ số, truyền thông hiện đại bậc cao. Đồng thời, đổi mới nội dung chương trình giáo dục về đối ngoại trong các trường đại học, học viện lớn, lồng ghép nhuần nhuyễn giữa lý luận chính trị học, quan hệ quốc tế hiện đại với các kỹ năng thực chiến đối ngoại nhân dân, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Nhìn lại bức tranh toàn cảnh của chính trị quốc tế đương đại, mặt trận đối ngoại nhân dân đã khẳng định vị thế không thể thay thế trong cấu trúc quyền lực quốc gia hiện đại. Kinh nghiệm thành công của Thụy Điển, Anh, Trung Quốc và Hàn Quốc cho thấy, quốc gia nào biết khơi thông, chuyển hóa hiệu quả các nguồn lực xã hội, văn hóa, tri thức của nhân dân thành sức mạnh ảnh hưởng quốc tế, quốc gia đó sẽ giành được lợi thế chiến lược vô cùng to lớn trong việc nâng cao vị thế và kiến tạo cấu trúc luật chơi toàn cầu. Đối với Việt Nam, bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, sứ mệnh của nền ngoại giao nói chung và trụ cột đối ngoại nhân dân nói riêng vô cùng nặng nề. Vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc các chủ trương, quyết sách tầm chiến lược của Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết số 59-NQ/TW, công tác đối ngoại nhân dân Việt Nam tiếp tục tạo ra những bước chuyển mình mang tính đột phá, đóng góp to lớn vào việc bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích của quốc gia - dân tộc; đồng thời khẳng định tầm vóc, uy tín và vị thế của một Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, văn minh, là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm, đóng góp tích cực vào sự nghiệp gìn giữ hòa bình, hợp tác, phát triển của khu vực và trên toàn thế giới./.

* Bài viết thuộc Đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.06.08/21-30 “Nghiên cứu hoạt động đối ngoại nhân dân trên thế giới trong bối cảnh mới và đề xuất giải pháp cho Việt Nam”

(1) J. S. Nye: *The Future of Power* (Tạm dịch: Tương lai của quyền lực), New York: Public Affairs, 2011, tr. 11

(2) J. Melissen: *The New Public Diplomacy: Soft Power in International Relations* (Tạm dịch: Ngoại giao công chúng kiểu mới: Sức mạnh mềm trong quan hệ quốc tế), New York: Palgrave Macmillan, 2005, tr. 18

(3), (11) N. J. Cull: *Public Diplomacy: Foundations for Global Engagement in the Digital Age* (Tạm dịch: Ngoại giao công chúng: Nền tảng cho sự tham gia toàn cầu trong kỷ nguyên số), Cambridge: Polity Press, 2019

(4), (5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 10, tr. 500, 329

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 13, tr. 453

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 147

(8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 162

(9), (10) Tô Lâm: “Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Lễ kỷ niệm 80 năm thành lập ngành Ngoại giao”, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, ngày 25-8-2025, <https://scov.gov.vn/thoi-su/80-nam-ngoai-giao-viet-nam/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-le-ky-niem-80-nam-thanh-lap-nganh-ngoai-giao.html>

(12) Kim, Y.: *The Korean Wave: Korean Media Go Global* (Tạm dịch: Làn sóng Hàn Quốc: Truyền thông Hàn Quốc vươn tầm toàn cầu), London: Routledge, 2011

(13) Xem: “Tổng Bí thư Tô Lâm: Kiêu bào là nguồn lực quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”, Báo Thế giới và Việt Nam, ngày 8-2-2026, <https://baoquocte.vn/tong-bi-thu-to-lam-kieu-bao-la-nguon-luc-quan-trong-cua-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-357713.html>

(14) Tô Lâm: “Vươn mình trong hội nhập quốc tế”, Tạp chí Cộng sản điện tử, đăng ngày 3-4-2025, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/vuon-minh-trong-hoi-nhap-quoc-te